

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2020/HS-ST
Ngày 26 -11 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Lê Thị Thanh Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phương Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T(tên gọi khác: Sở, Chiến, Trần Phi Hùng, Trần Phi Hoàng, Trần Văn Hùng, Lại Văn An), sinh ngày 25 tháng 6 năm 1967; ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ X khu phố C, phường Y, thành phố H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn) 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình T2 và bà Lê Thị M, sinh năm 1932; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con giữa, có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991. Tiền án:

+ Năm 2002 bị TAND huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 139 BLHS (bản án sơ thẩm số 03/2002/HSST ngày 07/01/2002). Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25 tháng 10 năm 2002, bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ đóng án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, và bồi thường trách nhiệm dân sự.

+ Năm 2003 bị TAND huyện N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 139 BLHS (bản án sơ thẩm số 45/2003/HSST ngày 07/11/2003). Bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ đóng án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngày 28/4/2006 bị TAND TP. H xử phạt 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 139 BLHS (về hành vi phạm tội ngày 14/4/2001). Tổng hợp chung bản án số 45/HSST ngày 7/11/2003 của TAND H. N buộc chấp hành chung 60 tháng tù. Bản án số 95/2006/HSST ngày 01/9/2006, TAND tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 139 BLHS (về hành vi phạm tội ngày 10/10/2001), tổng hợp hình phạt đối với bản án số 30/2006/HSST ngày 28/4/2006 của TAND TP. T, buộc chấp hành chung 84 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/01/2010. Bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ đóng án phí hình sự phúc thẩm.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Năm 1987 bị TAND thị xã H xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản của công dân.

+ Ngày 10/6/2013 bị TAND tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 điều 138 BLHS. Chấp hành xong ngày 03/01/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/7/2020. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Trần Quang L – sinh năm 1974; địa chỉ: thôn H2, xã S, huyện S2, Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Nguyễn Thị Yến L – sinh năm 1969; địa chỉ: khu phố L, Phường Z, thành phố H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Lê Thị M – sinh năm 1932; Địa chỉ: Tổ X khu phố C, phường Y, thành phố H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1/ Trần Thị L1 – sinh năm 1960; Địa chỉ: lô 25 khu phố V, phường Y, thành phố H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ Lê Thị P – sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn C, xã H3, huyện T2, tỉnh Phú

Yên. Vắng mặt.

3/ Nguyễn Xuân N – sinh năm 1948; Địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố H, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 11 tháng 02 năm 2020, Trần Ngọc T có đến phòng trọ của anh Trần Quang L tại thôn P, xã B, thành phố H để rủ L đi uống cà phê nhưng L nói “để đi tắm, giặt đồ rồi đi uống cà phê”. Khi thấy L đi vào nhà tắm, T vào bên trong phòng thấy có 1 ví da dưới chân giường lòi ra một ít tiền nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T mở ví lấy tiền cầm trong tay thì thấy chị Lê Thị P đi ngang qua, T giả vờ nói “đi xin ớt” rồi đi ra điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78 H4-0668 (xe của chị Nguyễn Thị Yến L là người sống chung như vợ chồng với bị cáo). Đi đến quán cà phê vỉa hè gần dãy trọ đếm số tiền lấy được 7.300.000đồng. T về lại phòng trọ, cuộn tròn số tiền trên giấu vào bên trong lon bia nhãn hiệu BIVINA rồi cất ở góc phòng. Lúc này, anh L phát hiện mất tiền nên đi hỏi T và P. Chị P chỉ vào T và nói “thấy T vào phòng ông”, T nói lại “Tao lấy tiền mà thấy không” rồi chạy về phòng lấy con dao ra hăm dọa P. Lúc này ông Nghiêm (chủ nhà trọ) đi kiểm tra và hỏi T và P có lấy không thì không ai thừa nhận. Sau đó, ông Nghiêm đi công việc và khóa cửa phòng trọ. T chui qua hàng rào nhà trọ đi bộ về nhà mẹ là bà Mai. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho ông Nghiêm nói “cháu lỡ lấy tiền của L, cháu để trong lon bia trong phòng cháu, chú vô lấy trả lại cho L”, ông N mở cửa phòng T, lấy lon bia BIVINA ở góc phòng bên trong có số tiền 7.300.000đồng và đưa cho L. Đến 15 giờ 30 phút ngày 12/2/2020, L báo công an xã B.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 22/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với Trần Ngọc T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2020.

Về dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu, không xét.

Vật chứng vụ án: Đề nghị tiêu hủy 01 lon bia bằng kim loại, đường kính đáy lon là 6,5cm, cao 10cm, hiệu Bivina (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

Bị cáo Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Trần Quang L vắng mặt, đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền, nghĩa vụ và chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định như sau: Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại nhà trọ của ông Nguyễn Xuân N tại thôn P, xã B, thành phố H, Trần Ngọc T có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 7.300.000 đồng của anh Trần Quang L.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; Lần phạm tội tại bản án số 45/2003/HSST ngày 07/11/2003 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Khánh Hòa bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự. Nên hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, thuộc tình tiết định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173

Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 22/10/2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tiền án nêu trên, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, cũng như tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 lon bia bằng kim loại, đường kính đáy lon là 6,5cm, cao 10cm, hiệu Bivina (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Tuy Hòa và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H) không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị Yến L là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78H4-0668 bị cáo sử dụng trong thời gian thực hiện hành vi trộm cắp, không biết bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Đối với bà Lê Thị M là mẹ của bị cáo đã cho bị cáo số tiền 4.700.000đồng để bồi thường cho bị hại là tự nguyện và không có yêu cầu gì nên không xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2020.

2/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 lon bia bằng kim loại, đường kính đáy lon là 6,5cm, cao 10cm, hiệu Bivina (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

3/ Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000đ.

4/ Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, được quyền kháng cáo bản án, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND TP. H;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an TP. H;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THA DS TP. H;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

ĐÃ KÝ

Phan Thị Lệ Siêng

